

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025
về việc phê duyệt các quy trình nội bộ, phương án tái cấu trúc quy trình
giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch,
chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp
và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 269+270)

Phụ lục 04**A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP THÀNH PHỐ**

2. Quy trình về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (QT-88)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với hoạt động giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi;</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp		
	Giấy khai sinh		X

	Giấy khám sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	
	Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng, chụp không quá 06 tháng	X	
	Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự		X
	Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).	X	
	Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.	X	
	Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ Tư pháp sau đó Bộ Tư pháp gửi Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp		
	Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng cháu ruột)	X	
	Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế		X
	Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam	X	
	Bản điều tra về tâm lý, gia đình	X	
	Bản điều tra về tâm lý, gia đình	X	
	Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp	X	
	Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản	X	
	Phiếu Lý lịch tư pháp	X	
	Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.		X

	+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.		
	Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: + Bản sao Giấy Chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi. + Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.		
	Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được: + Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. + Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.		
	Hồ sơ do công chức Sở Tư pháp nộp tại Bộ phận Một cửa của UBND Thành phố để trình UBND Thành phố xem xét, quyết định		
	- Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;	X	

	- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi). - Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	- Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp hoặc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cấp có thẩm quyền - Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp, sau đó, Bộ Tư pháp chuyển 01 bộ Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp - Sở Tư pháp trình 01 bộ Hồ sơ để UBND Thành phố xem xét, quyết định		
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây: + Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú. + Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 Luật nuôi con nuôi, gồm: i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; ii) Có tư cách đạo đức tốt; iii) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây: + Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; + Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, chữa bệnh; + Đang chấp hành hình phạt tù; + Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. Theo khoản 3 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi, thủ tục này không áp dụng các điều kiện: Người nhận con nuôi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi.		

	Người được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau đây: + Là người dưới 18 tuổi; + Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.
3.5	Thời gian xử lý
	- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993: + Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. + Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	- Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp - Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp, sau đó, Bộ Tư pháp chuyển 01 bộ Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp

	- Sở Tư pháp trình 01 bộ Hồ sơ đề UBND Thành phố xem xét, quyết định - Trao Quyết định nuôi con nuôi và Lễ giao nhận con nuôi tại Sở Tư pháp			
3.7	Lệ phí			
	- Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. - Mức thu lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. - Mức thu chi phí: Không quy định. - Thời điểm nộp lệ phí: Nộp sau khi Bộ Tư pháp tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp, sau đó, Bộ Tư pháp chuyển 01 bộ Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp	Văn thư của Sở Tư pháp	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền	Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo ngay để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;	Công chức Bộ phận một cửa	02 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

	b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, phải nêu rõ lý do theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ;			- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Công chức Bộ phận Một cửa số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc))	- Công chức Bộ phận một cửa - Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ
B4	Công chức Phòng HCTP kiểm tra hồ sơ, soạn thảo văn bản đề nghị những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi có mặt tại trụ sở Sở Tư pháp thể hiện ý kiến về việc người được nhận làm con nuôi được giải quyết làm con nuôi ở nước ngoài.	- Công chức Phòng HCTP - Những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi và người được nhận làm con nuôi (từ đủ 09 tuổi trở lên)	05 ngày	Dự thảo Công văn
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn

B6	Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ, xem xét ký văn bản Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ, xem xét ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Dự thảo Công văn
B7	- Công chức Phòng HCTP lấy ý kiến những người liên quan về việc giải quyết làm con nuôi nước ngoài - Trưởng phòng HCTP báo cáo Lãnh đạo Sở ký xác nhận chữ ký Biên bản lấy ý kiến	- Công chức Phòng HCTP - Những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi và người được nhận làm con nuôi (từ đủ 09 tuổi trở lên)	01 ngày	Biên bản lấy ý kiến về việc giải quyết làm con nuôi nước ngoài
B8	Công chức dự thảo Tờ trình trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình
B9	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình UBND Thành phố - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Văn bản. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Tờ trình, Hồ sơ kèm theo
B10	Lãnh đạo Sở xem xét, ký văn bản	Lãnh đạo Sở	04 ngày	Tờ trình, hồ sơ kèm theo
B11	Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	04 giờ	Tờ trình , Quyết định và hồ sơ kèm theo

B12	UBND Thành phố xem xét, quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài	UBND Thành phố	15 ngày	Quyết định, Hồ sơ
B13	Công chức Phòng HCTP nhận Quyết định và hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư VPUBND UBND Thành phố	Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	04 giờ	Quyết định kèm theo hồ sơ
B14	Công chức Phòng HCTP dự thảo thông báo cho người nhận con nuôi đến Sở Tư pháp nhận con nuôi, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn
B15	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn
B16	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản thông báo; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn
B17	Công chức Phòng HCTP Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi; dự thảo Biên bản giao nhận con nuôi; bàn giao Quyết định, Biên bản giao nhận con nuôi cho công chức Bộ phận Một cửa	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	Biên bản giao nhận con nuôi

B18	Công chức Bộ phận Một cửa thực hiện thủ tục giao nhận con nuôi giữa Bên giao và Bên nhận	- Bộ phận một cửa - Bên giao và Bên nhận con nuôi, trẻ em	Trong giờ hành chính	Quyết định, Biên bản giao nhận và Sổ đăng ký nuôi con nuôi
4	Biểu mẫu			
1	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
2	Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột) (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)			
3	Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi). (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi).			

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive father's
photo,
4 x 6 cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive father's
photo,
4 x 6 cm*

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM
LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(Used for adoption of a step-child or biological niece/nephew)

Kính gửi: Bộ Tư pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phần khai về người nhận con nuôi/Information of prospective adoptive parent(s)

Thông tin/Information	Ông/Mr	Bà/Ms
Họ, chữ đệm, tên/ <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh/ <i>Date of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Hộ chiếu/ <i>Passport</i>		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi cư trú/ <i>Place of residence</i>		
Điện thoại/ thư điện tử/ <i>Phone number/email</i>		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi/Information of the child to be adopted

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*: Giới tính/*Sex*:

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: Quốc tịch/*Nationality*:

Số định danh cá nhân/*Personal identity number*:

Nơi sinh/*Place of birth*:

Nơi cư trú/*Place of residence*:

.....

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà/*currently living with Mr/Ms*:

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*:

Nơi cư trú/*Place of residence*:

.....

Điện thoại/thư điện tử/*Phone number/email*:.....

3. Phần cam đoan/*Declaration*

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship

in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Done in....., on day..... month..... year.....

ÔNG/Mr

BÀ/Ms

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Signature, full name)

(Signature, full name)

1 Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ
YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHA DƯỠNG, MẸ KẾ
NHẬN CON RIÊNG CỦA VỢ HOẶC CHỒNG; CÔ, CẬU, DÌ, CHÚ,
BÁC RUỘT NHẬN CHÁU LÀM CON NUÔI**

I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi cư trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi cư trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

VĂN BẢN
VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM
ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM

1. Họ, chữ đệm, tên: Nam ☐ Nữ ☐

2. Ngày, tháng, năm sinh:.....

3. Nơi cư trú:
.....

4. Hoàn cảnh gia đình:

Bị bỏ rơi

Mồ côi cả cha và mẹ

Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ):

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ

1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):.....
.....
.....

2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ để có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):
.....

3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:

Chiều cao..... Cân nặng.....

Sức khỏe hiện tại:

Bình thường

Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo:.....

Có đang được điều trị không?

Không

Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị:

4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:

Vận động (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó):

.....
Tương tác (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô trông trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi, sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...):

.....
Ngôn ngữ (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):

.....
Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?

.....
Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...):

..... **III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:**

1. Sở thích (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập báo cáo²

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**Xác nhận của Giám đốc cơ sở
 nuôi dưỡng¹**

1 Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

2 Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI¹**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. PHẦN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Chúng tôi/Tôi là người ký tên dưới đây:

Ông:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

.....

Là: ☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ

Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

.....

Là: ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ

Đồng ý cho người có tên dưới đây được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁴:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

.....

II. PHẦN CAM ĐOAN

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chúng tôi/tôi đồng ý cho trẻ em có tên nêu trên được nhận làm con nuôi⁵:

☐ trong nước

☐ nước ngoài

Chúng tôi/Tôi xin khẳng định như sau:

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào.

2. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng, việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng kể từ ngày giao nhận con nuôi, chúng tôi/tôi không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi.

Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

4. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), chúng tôi/tôi có thể thay đổi ý kiến về việc cho người có tên nêu trên làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu chúng tôi/tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁶

Tôi tên là....., số

Căn cước công dân/

Chứng minh nhân dân⁷:.....
đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến
việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CHA, MẸ ĐỂ/

NGƯỜI GIÁM HỘ

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ⁶)

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁸

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại:.....
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho cha, mẹ đẻ, người giám hộ về việc đồng ý cho trẻ em..... làm con nuôi.
Những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁸

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....,
là người đã tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em.....
..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC**VĂN BẢN TƯ VẤN CHO CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI***(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý
cho trẻ em làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)***I. Người được tư vấn**

Họ, chữ đệm, tên Ông:.....

Là: ☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ

Họ, chữ đệm, tên Bà:.....

Là: ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ**Của người có tên dưới đây được cho làm con nuôi:**

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁹:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

II. Nội dung tư vấn

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi chỉ được thực hiện khi gia đình không còn điều kiện và khả năng thực tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Ông/Bà đã xem xét khả năng và điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em chưa?

☐ Chúng tôi/Tôi không có khả năng và điều kiện để tiếp tục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em.

☐ Ý kiến khác:

2. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho Ông/Bà để có được ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

☐ Chúng tôi/Tôi hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

☐ Ý kiến khác:

3. Khi đồng ý cho trẻ em làm con nuôi người khác, Ông/Bà sẽ không còn là cha, mẹ của trẻ em sau khi việc đăng ký nuôi con nuôi đã hoàn tất theo quy định pháp luật¹⁰.

Cha, mẹ nuôi sẽ trở thành cha, mẹ của trẻ em. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sẽ làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giống như quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và con đẻ.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

☐ Ý kiến khác:

.....

4. Ông/Bà không thể đòi lại trẻ em đã cho làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

5. Sau khi con đã cho làm con nuôi, Ông/Bà không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ khi có thỏa thuận khác.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu, chúng tôi không có thỏa thuận khác.

☐ Ý kiến khác:

.....

6. Con nuôi có thể thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

7. Ông/Bà có thời gian suy nghĩ là 30 ngày kể từ ngày lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....) về việc thay đổi ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi. Nếu Ông/Bà thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký nuôi con nuôi trong thời hạn nêu trên.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

8. Nếu Ông/Bà đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài:

a) Con của Ông/Bà sẽ được đưa sang một nước khác sinh sống cùng cha, mẹ nuôi là người nước ngoài.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

b) Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và con được nhận làm con nuôi sẽ chấm dứt.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

c) Trường hợp con nuôi là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, nếu pháp luật nước ngoài cho phép, mối quan hệ giữa cha, mẹ đẻ và trẻ em mới được duy trì.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
Người được tư vấn
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)

1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho những người liên quan theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

4 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

5 Đánh dấu vào ô tương ứng phía dưới.

6 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

7 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

8 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

9 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

10 Trường hợp trẻ em được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

11 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý LÀM CON NUÔI¹

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch³:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

.....

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, tôi đồng ý được nhận làm con nuôi và xin khẳng định như sau:

1. Tôi đồng ý được nhận làm con nuôi một cách tự nguyện, không bị ép buộc.
2. Tôi hiểu rằng việc làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định giữa con nuôi và cha, mẹ nuôi.
3. Tôi đã được tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi.
4. Tôi hiểu rằng tôi có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
5. Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày....tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), tôi có thể thay đổi ý kiến về việc được nhận làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁴

Tôi tên là.....,
số Căn cước công dân/

Chứng minh nhân dân⁵:.....
đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến
việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁷

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý làm con nuôi. Người/những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁷

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....
là người đã tiến hành lấy ý kiến của người có tên.....
về việc đồng ý làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho người từ đủ 9 tuổi trở lên theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

3 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4 Trong trường hợp lấy ý kiến của trẻ em phải có người làm chứng.

5 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

6 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

7 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên:

II. Nội dung tư vấn

1. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu sẽ sống với một gia đình khác, có cha, mẹ khác sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

☐ Cháu hiểu

2. Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và cháu sẽ chấm dứt kể từ ngày cháu được nhận làm con nuôi.

☐ Cháu hiểu

3. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

☐ Cháu hiểu

4. Cháu có thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến để thay đổi ý kiến về việc làm con nuôi.

☐ Cháu hiểu

5. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho cháu để có được ý kiến đồng ý cho cháu làm con nuôi

☐ Cháu hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

6. Nếu được làm con nuôi nước ngoài, cháu sẽ sống với gia đình cha mẹ nuôi là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài và nói tiếng nước ngoài.

☐ Cháu hiểu

Người từ đủ 09 tuổi trở lên được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ⁹)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

8 Trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

9 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ
NUÔI DƯỠNG VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

I. Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:.....

Cam đoan những nội dung sau đây:

1. Tôi đồng ý cho trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân:

Quốc tịch²:.....

Nơi cư trú:

.....

2. Tôi tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi, không bị ép buộc, không có bất cứ sự dè dặt hay thỏa thuận vật chất nào. Tôi hiểu việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Tôi hiểu rằng nuôi con nuôi là biện pháp chăm sóc thay thế tốt nhất, bảo đảm trẻ em phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Tôi cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, con dấu)

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI³

- Họ, chữ đệm, tên:.....

- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội Đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người có tên nêu trên về việc cho trẻ em.....
..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI³

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà..... là người đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em.....
..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

1 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

2 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, công chức Sở Tư pháp tiếp nhận ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Số: /STP-HCTP
V/v xác nhận trẻ em đủ điều
kiện làm con nuôi nước ngoài

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi, Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Tư pháp đã kiểm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 21 Luật Nuôi con nuôi. Căn cứ các quy định về độ tuổi, đối tượng được nhận làm con nuôi, Sở Tư pháp xác nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Thuộc đối tượng³:....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Nguồn gốc của trẻ em đã được xác định như sau:.....⁴. Việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em đã được thực hiện theo quy định pháp luật nhưng không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Những người liên quan (.....⁵) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng đã thể hiện ý kiến đồng ý cho trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.

⁵³Thuộc đối tượng⁶ :....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Những người liên quan (.....⁷) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện⁸:³²

.....

Văn bản này được gửi kèm theo văn bản xác minh của cơ quan Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của cha, mẹ đẻ/người giám hộ/ý kiến đồng ý của người từ đủ 09

tuổi trở lên về việc làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁹
- Lưu: VT, HCTP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

- 1 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- 2 Ghi theo nơi đăng ký thường trú. Nếu trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng.
- 3 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng. Ghi rõ trẻ em thuộc một trong các đối tượng sau: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.
- 4 Đối với trẻ em bị bỏ rơi, ghi rõ nội dung kết luận xác minh nguồn gốc của cơ quan Công an cấp tỉnh.
- 5 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 6 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại gia đình. Ghi rõ trẻ em là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi.
- 7 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 8 Theo thủ tục giới thiệu trẻ em theo quy định tại Điều 36 của Luật Nuôi con nuôi hoặc đích danh theo khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.
- 9 Trường hợp trẻ em đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì bổ sung Sở Y tế (để theo dõi) và cơ sở nuôi dưỡng (để phối hợp)..
- 10 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của..... tại Tờ trình số..... ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu:.....

Hộ chiếu:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

.....

.....

Nhận người dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

.....

Điều 2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Điều 4. Giám đốc Sở Tư pháp và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú (để biết);
- Lưu: VT,.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH***Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi**Số đăng ký.....**Quyển số.....**Ngày..... tháng..... năm.....*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CON NUÔI

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
 tại trụ sở¹..... đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi với những nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi:.....

Đại diện là:

Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Người được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

3. Người nhận con nuôi²:⁸²:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Hộ chiếu ³⁸³		
Nơi cư trú ³		

4. Người giao con nuôi⁴:⁸⁴:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú 3		

Quan hệ với người được nhận làm con nuôi: ☐ Cha đẻ ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ
☐ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng ☐ Đại diện UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi

Biên bản này được làm thành 06 bản, 01 bản trao cho cha mẹ nuôi, 01 bản trao cho cha mẹ đẻ/người giám hộ/đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, 01 bản lưu tại cơ quan đăng ký nuôi con nuôi và 01 bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi (đối với nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài).

**Đại diện cơ quan
đăng ký nuôi con nuôi**
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bên giao
(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên/điểm chỉ)

Bên nhận
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên/điểm chỉ)

- 1 Ghi tên của Sở Tư pháp nơi tổ chức giao nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 2 Đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nếu người nhận con nuôi là vợ hoặc chồng được ủy quyền của người kia để có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Nuôi con nuôi thì chỉ ghi thông tin của người có mặt tại lễ giao nhận con nuôi.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, sổ, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022; Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.
- 4 Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng thì người giao con nuôi là đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

3. Quy trình về giải quyết việc đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (QT-89)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
2	Phạm vi: Áp dụng giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được và Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi;</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	- Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Tờ khai phải có <i>cam đoan</i> của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.	X			
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ				
3.4	Thời hạn giải quyết				
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp hoặc địa điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền.				
3.6	Lệ phí: Không				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu / Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia</i> (https://dichvucong.gov.vn) hoặc <i>Cổng dịch vụ công thành phố</i> (https://dichvucong.hanoi.gov.vn). Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công) Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. <u>Công dân lựa chọn:</u> - Dịch vụ công trực tuyến, - Sở Tư pháp, - Lĩnh vực Nuôi con nuôi, - Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	Công dân Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi

B2	Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Phần mềm Một cửa, kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo ngay để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ và nêu rõ lý do b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; tiến hành số hóa thành phần hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố d) Trường hợp có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật, Sở Tư pháp từ chối đăng ký lại việc nuôi con nuôi hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại việc nuôi con nuôi.	Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc)	- Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết Hồ sơ	
B4	Công chức Phòng HCTP, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Tờ trình UBND Thành phố; Dự thảo Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Tờ trình kèm theo Hồ sơ	
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Tờ trình và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức	Trưởng Phòng HCTP	02 giờ	Dự thảo Tờ trình kèm theo Hồ sơ	

B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, hồ sơ và ký dự thảo do Trưởng phòng HCTP trình ký văn bản ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Tờ trình kèm theo hồ sơ	
B7	Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VP UBND Thành phố	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả/ Văn thư của VPUBND Thành phố	04 giờ		
B8	UBND Thành phố xem xét, quyết định ký Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	UBND Thành phố	01 ngày	Quyết định, hồ sơ kèm theo	
B9	Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố trả kết quả cho công chức Phòng Hành chính tư pháp	Bộ phận TN&TKQ / Văn thư của VPUBND Thành phố	Trong giờ hành chính	Quyết định kèm theo hồ sơ	
B10	Công chức Phòng HCTP ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi	Công chức Phòng HCTP	01 giờ	Quyết định	
B11	Công chức Phòng HCTP bàn giao cho công chức Bộ phận Một cửa: Quyết định và Sổ đăng ký nuôi con nuôi	Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp	01 giờ	Quyết định	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
B12	Bộ phận Một cửa trả kết quả và hướng dẫn công dân ký Sổ đăng ký nuôi con nuôi	Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Quyết định	

4	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)
	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi).
	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi¹:.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú:

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:.....

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên: **Giới tính:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Giấy khai sinh/Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:.....

Là con nuôi của:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch³:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:.....

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....Quốc tịch³:

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nuôi con nuôi tại⁴:.....

.....
Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... ngày..... tháng..... năm.....⁵

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ nhất

Tôi tên là.....
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân²:.....
Cư trú tại:.....
.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ hai

Tôi tên là.....
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân²:.....
Cư trú tại:.....
.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

1 Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

2 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

3 Đối với trường hợp đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4 Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; tên Sở Tư pháp nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

5 Đối với trường hợp có thông tin về Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4. Quy trình về giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (QT-90)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.
2	Phạm vi: Áp dụng giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi;</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ của người nhận con nuôi:		
	1. Đơn xin nhận con nuôi	X	
	2. Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế		X
	3. Phiếu Lý lịch tư pháp	X	
	4. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: - Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn - Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	
	5. Giấy khám sức khỏe do Cơ sở Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	

	6. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp	X	
	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:		
	1. Giấy khai sinh		X
	2. Giấy khám sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	
	3. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng, chụp không quá 06 tháng	X	
	4. Biên bản xác nhận do UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập (áp dụng đối với trẻ em bị bỏ rơi); Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích (áp dụng đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích); hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự (áp dụng đối với con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự)		X
	5. Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở Cơ sở nuôi dưỡng (áp dụng đối với trẻ em ở Cơ sở nuôi dưỡng)		X
	Lưu ý: Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi/người được giới thiệu làm con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, công chức được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.		X

	<i>Giấy tờ có trong hồ sơ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, cấp, xác nhận mà bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc thông tin trong các văn bản, giấy tờ được khai không đúng sự thật thì không có giá trị sử dụng. Người thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc khai thông tin không đúng sự thật bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.</i>				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến - Ủy ban nhân dân Thành phố ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Sở Tư pháp hoặc địa điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính - UBND Thành phố - Trao Quyết định nuôi con nuôi và Lễ giao, nhận con nuôi tại Sở Tư pháp				
3.6	Lệ phí				
	4.500.000 đồng/trường hợp.				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Công dân nộp Hồ sơ được trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2	

B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo ngay để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, phải nêu rõ lý do theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; tiến hành số hóa thành phần hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố	Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao hồ sơ giấy theo quy định của Thành phố cho công chức Phòng HCTP (không quá 08 giờ làm việc)	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ	
	Công chức Phòng HCTP: - Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức trả lại hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung gửi cho cá nhân qua Bộ phận Một cửa	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	

B4	- Đối với hồ sơ không đủ điều kiện để tiếp tục giải quyết, công chức lập văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết. Trình ký chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Nếu hồ sơ đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo.			- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ Thông báo trả lại hồ sơ	
B5	Công chức kiểm tra hồ sơ, soạn thảo văn bản đề nghị/Giấy mời những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi thể hiện ý kiến về việc người được nhận làm con nuôi được giải quyết làm con nuôi ở nước ngoài. Sau khi soạn thảo văn bản, công chức trình Trưởng phòng HCTP.	- Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn	
B6	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn	
B7	Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ, xem xét ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Dự thảo Công văn	

B8	- Công chức Phòng HCTP lấy ý kiến những người liên quan đến việc giải quyết làm con nuôi. - Trình Trưởng phòng HCTP báo cáo Lãnh đạo Sở ký Biên bản lấy ý kiến	- Công chức Phòng HCTP - Những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi	01 ngày	Biên bản lấy ý kiến về việc giải quyết làm con nuôi	
B9	Công chức dự thảo Tờ trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố	
B10	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình UBND Thành phố - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Văn bản. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức	Trưởng Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Tờ trình, hồ sơ kèm theo	
B11	Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ, xem xét ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Tờ trình, hồ sơ kèm theo	
B12	Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến VPUBND Thành phố	Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư VPUBND Thành phố	04 giờ	Tờ trình, Quyết định và hồ sơ kèm theo	
B13	UBND Thành phố xem xét, quyết định về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	UBND Thành phố	15 ngày	Quyết định, hồ sơ kèm theo	

B14	Công chức Phòng HCTP nhận Quyết định và hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	Bộ phận TN&TKQ của VPUBND Thành phố	04 giờ	Quyết định kèm theo hồ sơ	
B15	Công chức Phòng HCTP dự thảo Thông báo cho người nhận con nuôi đến Sở Tư pháp nhận con nuôi, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn	
B16	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn	
B17	Lãnh đạo Sở xem xét, ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Công văn	
B18	Công chức Phòng HCTP ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi; Biên bản giao nhận con nuôi	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	Biên bản giao nhận con nuôi	
B19	Công chức thực hiện thủ tục giao nhận con nuôi giữa Bên giao và Bên nhận	- Bên giao và Bên nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi	Trong giờ hành chính	Quyết định, Biên bản giao nhận và Sổ đăng ký nuôi con nuôi	
4	BIỂU MẪU				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Đơn xin nhận con nuôi trong nước (Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp) (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi).				

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4 x 6 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4 x 6 cm

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Kính gửi:.....1

1. Phần khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân ²⁶		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

Thuộc đối tượng³:

☐ Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

Điện thoại/Thư điện tử:.....

☐ Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

.....

3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú^{4.8}.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

ÔNG

BÀ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

1 Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

2 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

3 Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

4 Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC
NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ Ở VIỆT NAM NHẬN TRẺ EM
VIỆT NAM LÀM CON NUÔI**

I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi thường trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi thường trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở,
 ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân ¹⁹		
Nơi cư trú		

II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Tình trạng hôn nhân, gia đình

☐ Chưa kết hôn ☐ Kết hôn ☐ Ly hôn ☐ Chồng/vợ đã chết

☐ Chưa có con đẻ

☐ Đã có con đẻ ☐ Đã có con nuôi Nêu rõ số lượng con:.....

Thành viên khác sống cùng:

- Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi:.....

- Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

☐ Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

☐ Chưa biết về việc nhận con nuôi

☐ Ủng hộ việc nhận con nuôi ☐ Không ủng hộ việc nhận con nuôi

☐ Ý kiến khác:.....

III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

1. Nhà ở

Diện tích:.....

☐ Nhà thuộc sở hữu ☐ Nhà thuê ☐ Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

☐ Có

☐ Không

2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):.....

- Thu nhập:

☐ Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)☐ Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)☐ Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)☐ Các nguồn thu nhập khác..... (tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)**3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):.....**Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: ☐ Có ☐ Không*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....***Người nhận con nuôi***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)***IV. PHÂN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ****1. Ý kiến của Tổ trưởng Tổ Dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi^{2:10}:**

.....

.....

.....

.....

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....***Tổ trưởng Tổ dân phố/Trưởng thôn***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi³

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Người đánh giá

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú⁴

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà.....

là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

1 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

3 Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá.

4 Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI¹**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. PHẦN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Chúng tôi/Tôi là người ký tên dưới đây:

Ông:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: ☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ

Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ

Đồng ý cho người có tên dưới đây được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁴:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

II. PHẦN CAM ĐOAN

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chúng tôi/tôi đồng ý cho trẻ em có tên nêu trên được nhận làm con nuôi⁵:

☐ trong nước

☐ nước ngoài

Chúng tôi/Tôi xin khẳng định như sau:

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào.

2. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng, việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng kể từ ngày giao nhận con nuôi, chúng tôi/tôi không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi.

Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

4. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), chúng tôi/tôi có thể thay đổi ý kiến về việc cho người có tên nêu trên làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu chúng tôi/tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁶

Tôi tên là.....,

số Căn cước công dân/

Chứng minh nhân dân⁷:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CHA, MẸ ĐỂ/

NGƯỜI GIÁM HỘ

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/ điểm chỉ)

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁸

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....

- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho cha, mẹ đẻ, người giám hộ về việc đồng ý cho trẻ em..... làm con nuôi.

Những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁸

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....,
là người đã tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em.....
..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho những người liên quan theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

4 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

5 Đánh dấu vào ô tương ứng phía dưới.

6 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

7 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

8 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC**VĂN BẢN TƯ VẤN CHO CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

*(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý
cho trẻ em làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)*

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên Ông:.....

Là: ☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ

Họ, chữ đệm, tên Bà:.....

Là: ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ

Của người có tên dưới đây được cho làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁹:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

II. Nội dung tư vấn

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi chỉ được thực hiện khi gia đình không còn điều kiện và khả năng thực tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Ông/Bà đã xem xét khả năng và điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em chưa?

☐ Chúng tôi/Tôi không có khả năng và điều kiện để tiếp tục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em.

☐ Ý kiến khác:

2. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho Ông/Bà để có được ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

☐ Chúng tôi/Tôi hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

☐ Ý kiến khác:

3. Khi đồng ý cho trẻ em làm con nuôi người khác, Ông/Bà sẽ không còn là cha, mẹ của trẻ em sau khi việc đăng ký nuôi con nuôi đã hoàn tất theo quy định pháp luật¹⁰.

Cha, mẹ nuôi sẽ trở thành cha, mẹ của trẻ em. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sẽ làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giống như quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và con đẻ.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

☐ Ý kiến khác:

4. Ông/Bà không thể đòi lại trẻ em đã cho làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

5. Sau khi con đã cho làm con nuôi, Ông/Bà không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ khi có thỏa thuận khác.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu, chúng tôi không có thỏa thuận khác.

☐ Ý kiến khác:

6. Con nuôi có thể thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

7. Ông/Bà có thời gian suy nghĩ là 30 ngày kể từ ngày lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....) về việc thay đổi ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi. Nếu Ông/Bà thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký nuôi con nuôi trong thời hạn nêu trên.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

8. Nếu Ông/Bà đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài:

a) Con của Ông/Bà sẽ được đưa sang một nước khác sinh sống cùng cha, mẹ nuôi là người nước ngoài.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

b) Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và con được nhận làm con nuôi sẽ chấm dứt.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

c) Trường hợp con nuôi là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, nếu pháp luật nước ngoài cho phép, mối quan hệ giữa cha, mẹ đẻ và trẻ em mới được duy trì.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ¹¹)

9 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

10 Trường hợp trẻ em được cha đẻ/mẹ đẻ nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

11 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý LÀM CON NUÔI¹

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch³:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

.....

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, tôi đồng ý được nhận làm con nuôi và xin khẳng định như sau:

1. Tôi đồng ý được nhận làm con nuôi một cách tự nguyện, không bị ép buộc.
2. Tôi hiểu rằng việc làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định giữa con nuôi và cha, mẹ nuôi.
3. Tôi đã được tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi.
4. Tôi hiểu rằng tôi có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
5. Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày.... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), tôi có thể thay đổi ý kiến về việc được nhận làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁴

Tôi tên là....., số Căn cước công

dân/ Chứng minh nhân dân⁵:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến việc

lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ⁶)

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁷⁷⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý làm con nuôi. Người/những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁷

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....
là người đã tiến hành lấy ý kiến của người có tên.....
về việc đồng ý làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho người từ đủ 9 tuổi trở lên theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

3 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4 Trong trường hợp lấy ý kiến của trẻ em phải có người làm chứng.

5 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

6 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

7 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên:

II. Nội dung tư vấn

1. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu sẽ sống với một gia đình khác, có cha, mẹ khác sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

☐ Cháu hiểu

2. Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và cháu sẽ chấm dứt kể từ ngày cháu được nhận làm con nuôi.

☐ Cháu hiểu

3. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

☐ Cháu hiểu

4. Cháu có thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến để thay đổi ý kiến về việc làm con nuôi.

☐ Cháu hiểu

5. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho cháu để có được ý kiến đồng ý cho cháu làm con nuôi

☐ Cháu hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

6. Nếu được làm con nuôi nước ngoài, cháu sẽ sống với gia đình cha mẹ nuôi là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài và nói tiếng nước ngoài.

☐ Cháu hiểu

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Người từ đủ 09 tuổi trở lên được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ⁹)

8 Trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

9 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ
 NUÔI DƯỠNG VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

I. Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân¹:.....

Cam đoan những nội dung sau đây:

1. Tôi đồng ý cho trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân:

Quốc tịch²:.....

Nơi cư trú:

.....

2. Tôi tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào. Tôi hiểu việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Tôi hiểu rằng nuôi con nuôi là biện pháp chăm sóc thay thế tốt nhất, bảo đảm trẻ em phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Tôi cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, con dấu)

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI³⁸⁰

- Họ, chữ đệm, tên:.....

- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người có tên nêu trên về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI³

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà..... là người đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

1 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

2 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, công chức Sở Tư pháp tiếp nhận ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của..... tại Tờ trình số..... ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:	Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....
.....	
Ngày, tháng, năm sinh:.....	Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....	Quốc tịch:.....
Hộ chiếu:.....	Hộ chiếu:.....
.....	
.....	
Nơi cư trú:.....	Nơi cư trú:.....
.....	
.....	

Nhận người dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

.....

Điều 2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Điều 4. Giám đốc Sở Tư pháp và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú (để biết);
- Lưu: VT,.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi

Số đăng ký.....

Quyển số.....

Ngày..... tháng..... năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CON NUÔI

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
 tại trụ sở đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi với những nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹:.....

Đại diện là:

Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Người được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

3. Người nhận con nuôi²:⁸²:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Hộ chiếu ³		
Nơi cư trú		

4. Người giao con nuôi⁴:⁸⁴

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú		

Quan hệ với người được nhận làm con nuôi: ☐ Cha đẻ ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ
☐ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng ☐ Đại diện UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi

Biên bản này được làm thành 06 bản, 01 bản trao cho cha mẹ nuôi, 01 bản trao cho cha mẹ đẻ/người giám hộ/đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, 01 bản lưu tại cơ quan đăng ký nuôi con nuôi và 01 bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi (đối với nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài).

**Đại diện cơ quan
đăng ký nuôi con nuôi**
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bên giao
*(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên/điểm chỉ)*

Bên nhận
*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên/điểm chỉ)*

1 Ghi tên của Sở Tư pháp nơi tổ chức giao nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2 Đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nếu người nhận con nuôi là vợ hoặc chồng được ủy quyền của người kia để có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Nuôi con nuôi thì chỉ ghi thông tin của người có mặt tại lễ giao nhận con nuôi.

3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022; Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

4 Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng thì người giao con nuôi là đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

Phụ lục 05**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN****I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH****1. Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch (QT-QH-01)**

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch(do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);	X	

- Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
* Giấy tờ phải nộp: - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.	X	
* Giấy tờ phải xuất trình: - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.	X	
* Lưu ý - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.		

	Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. - Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp nhận kết quả (bản sao Trích lục hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.		

3.5 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính					
Bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh.					
3.6 Nơi tiếp nhận và trả kết quả					
- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi lưu trữ sổ hộ tịch. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.					
3.7 Phí					
8.000 đồng/bản sao trích lục.					
3.8 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</i> Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. <u>Công dân lựa chọn:</u> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2 <i>Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch</i> <i>Biểu mẫu điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch</i>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID
B2	Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.				

(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i); (iii) Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch.	Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 01 giờ làm việc	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả	
--	----------------------------------	----------------------------------	--	--

B3	Công chức Bộ phận Một của chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)	Công chức Bộ phận Một của; Công chức Phòng Tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	Hồ sơ	
B4	Công chức Phòng Tư pháp truy cập vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch, thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cân bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một của để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập	Công chức Phòng Tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	

Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến). + Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tiếp, công chức Phòng Tư pháp tra cứu Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đánh máy, in bản sao Trích lục hộ tịch trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xin cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức làm công tác hộ tịch gửi lại nội dung biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số. Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).				
--	--	--	--	--

	Nếu người có yêu cấp bản sao Trích lục hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp in bản sao Trích lục hộ tịch, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký số				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời	Trưởng Phòng Tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	Hồ sơ	
B6	Công chức Phòng Tư pháp truy cập vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch hoàn thiện hồ sơ, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, chuyển Văn thư UBND cấp huyện đóng dấu, bàn giao cho Bộ phận Một cửa. (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)	-Công chức Phòng Tư pháp -Văn thư UBND cấp huyện	Không quá 01 giờ làm việc	Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời kết quả tra cứu không có thông tin	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	1. Thu phí cấp bản sao trích lục (8.000đ/bản trích lục) theo quy định 2. Trả kết quả cho công dân 3. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa 4. Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Trích lục hộ tịch bản sao hoặc Công văn trả lời	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia

4	Biểu mẫu
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ).
	Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch (đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp).
	Bản sao Trích lục hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp).
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

Đề nghị cơ quan cấp bản sao trích lục⁽⁴⁾ cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký tại: ⁽⁵⁾

ngày tháng năm số Quyền số:

Thông tin khác: ⁽⁶⁾

Số lượng bản sao yêu cầu cấp: bản⁽⁷⁾.

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: ngày tháng năm

Người yêu cầu

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan đề nghị thực hiện việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(2) *Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.*

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) *Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).*

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây, nay đề nghị cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình.

(6) *Trường hợp người yêu cầu không cung cấp được thông tin tại mục ⁽⁵⁾ thì cung cấp bổ sung thông tin khác để phục vụ việc tra cứu.*

Ví dụ: Cung cấp thông tin về cha, mẹ để phục vụ việc cấp bản sao Giấy khai sinh; cung cấp thông tin về vợ, chồng để phục vụ việc cấp bản sao Trích lục kết hôn;...

(7) Ghi rõ số lượng bản sao đề nghị cấp.

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC YÊU CẦU
CẤP BẢN SAO GIẤY KHAI SINH, BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH**

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch.

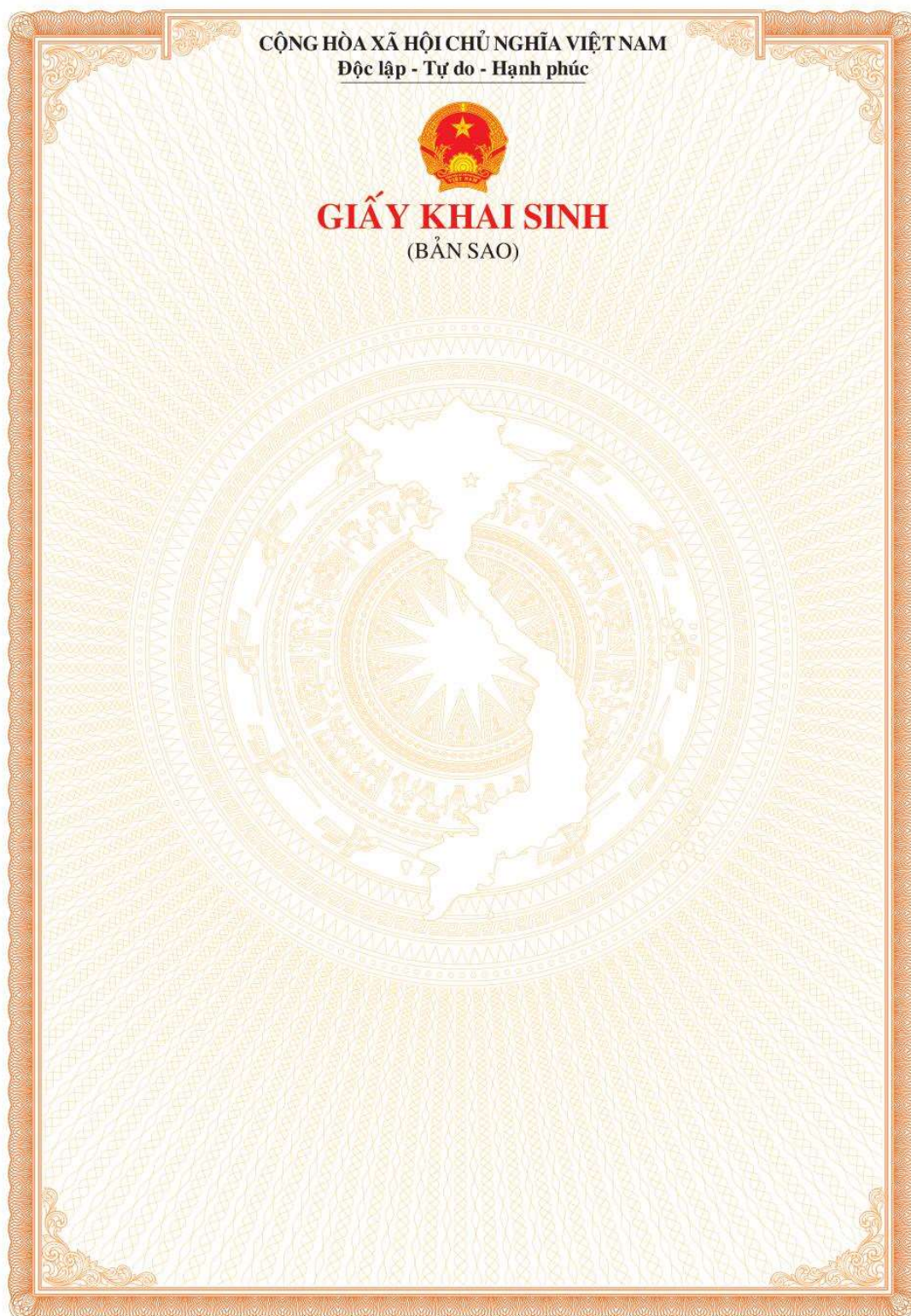
II. Thông tin về giấy tờ hộ tịch đã đăng ký

- (6) Họ, chữ đệm, tên người được đăng ký;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Loại việc yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch;
- (11) Cơ quan đã đăng ký sự kiện hộ tịch trước đây;
- (12) Tên giấy tờ hộ tịch, số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký;
- (13) Số lượng bản sao;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - ☐ Trực tiếp
 - ☐ Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - ☐ Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điện tử động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.



Chú thích:

- (1) Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- (2) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- (3) Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- (4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “ Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1)

..... ngày.....thángnăm

Số: ⁽²⁾ /TLKH-BS**TRÍCH LỤC KẾT HÔN**
(BẢN SAO)**Họ, chữ đệm, tên vợ:**.....**Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:

Dân tộc:

Quốc tịch:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân:

Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại ⁽³⁾

Số..... ngày..... tháng..... năm

Ghi chú:⁽⁴⁾**Thực hiện trích lục từ:** ⁽⁵⁾**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- (4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLKT-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾..

Số: ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.

⁽³⁾ Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1)

Số: (2) /TLCMC-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN.....(3)

(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận(3)giữa:

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận.....(3)tại(4)

.....số ngày

Thực hiện trích lục từ:(5)

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.

(3) Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.

(4) Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số:⁽²⁾/TL.....-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký việc ⁽⁴⁾

Trong ⁽⁵⁾

Sốngày

Nội dung: ⁽⁶⁾

Nơi đăng ký: ⁽⁷⁾

Số ngày

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁸⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số:⁽²⁾/TL.....-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký việc ⁽⁴⁾

Trong ⁽⁵⁾

Sốngày

Nội dung: ⁽⁶⁾

Nơi đăng ký: ⁽⁷⁾

Số ngày

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁸⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
(4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1)

Số: (2) /TLGCKH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:.....	Họ, chữ đệm, tên chồng:.....
.....	
Ngày, tháng, năm sinh:	Ngày, tháng, năm sinh:
Dân tộc:	Dân tộc:
Quốc tịch:	Quốc tịch:
Nơi cư trú:	Nơi cư trú:
.....	
.....	
Giấy tờ tùy thân:	Giấy tờ tùy thân:
.....	
.....	

Đăng ký kết hôn tại:(3)

.....số.....cấp ngày.....tháng.....năm

Đã ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại (4)

.....số..... ngày.....thángnăm

Thực hiện trích lục từ:(5)

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ đó.
- (4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch, số, ngày tháng năm ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1)

Số: (2) /TLGCLH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ LY HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ghi vào Sổ hộ tịch việc.....⁽³⁾ đã giải quyết tại nước ngoài với người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Theo:⁽⁵⁾ số do..... cấp ngày

Tại:⁽⁶⁾ số ngày.....tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.
- (3) Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.
- (4) Ghi theo thông tin có trong Sổ ghi chú ly hôn, nếu không có thông tin thì để trống.
- (5) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (6) Ghi tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi chú ly hôn, số, ngày, tháng, năm ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ ghi chú ly hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TLGCHT-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã được ghi vào Sổ⁽³⁾

Nội dung ghi:⁽⁴⁾

Theo: ⁽⁵⁾ số.....do

..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi ghi:⁽⁶⁾

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch.
- (3) Ghi rõ loại Sổ hộ tịch (Ví dụ: Sổ đăng ký khai tử, Sổ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc...).
- (4) Ghi theo nội dung đã được ghi vào sổ hộ tịch (Ví dụ: Được thay đổi họ từ Nguyễn Thị Lan thành Smith Thị Lan).
- (5) Ghi tên loại giấy tờ hộ tịch, số, tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch hoặc cấp giấy tờ xác nhận sự kiện hộ tịch đã được đăng ký/giải quyết, ngày đăng ký/cấp giấy tờ đó.
- (6) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch (theo đủ cấp hành chính), tên sổ hộ tịch, quyển số, số đăng ký trong sổ và ngày thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch.
- Ví dụ:* UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Sổ đăng ký khai tử, quyển số 01, số 123, ngày 18/8/2020.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

(Xem tiếp Công báo số 273+274)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn